

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1899/2023/KDTM-ST

Ngày: 15/6/2023

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán
hàng hóa.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Lợi;
- Bà Phạm Thị Ngọc Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Thảo – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 251/2022/TLST-KDTM ngày 11/11/2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 2426/2023/QĐXXST-KDTM ngày 18 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C
Trụ sở: 3/4C đường K, ấp H, xã T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Võ Kim Bằng, sinh năm 1981;

Địa chỉ: 15/51 đường Cô Bắc, phường Cầu Ông Lãnh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt).

(là người đại diện theo ủy quyền, văn bản ủy quyền lập ngày 03/5/2022 của Công ty TNHH MTV Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C).

2. Bị đơn: Công ty cổ phần Thực Phẩm B.

Trụ sở: 06 đường H, phường M, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Mai Quốc D, sinh năm 1975;

Địa chỉ: 366C đường L, Phường K, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

(là người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Thực Phẩm B).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Trước đây vào năm 2017, Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C (gọi tắt là Công ty C) do ông C đại diện có cung ứng hàng hóa các mặt hàng thực phẩm các loại như rau, củ, quả và hàng tạp hóa các loại..., những nguyên phụ liệu chế biến thức ăn cho Công ty Cổ phần Thực Phẩm B (gọi tắt là Công ty B) do ông Mai Quốc D làm đại diện. Số tiền Công ty B phải thanh toán cho Công ty C là 893.7198.230 đồng, Công ty B đã thanh toán 337.193.200 đồng, còn nợ lại là 556.525.030 đồng. Ngày 01/10/2018, Công ty B và Công ty C có ký kết Hợp đồng cung ứng hàng hóa số 05/HDDKT-B18 theo đó Công ty C đã tiếp tục cung ứng hàng hóa các mặt hàng thực phẩm như: rau, củ, quả và hàng tạp hóa các loại... cho Công ty B với số tiền phải thanh toán cho Công ty C số tiền là 1.737.075.200 đồng, Công ty B đã thanh toán 399.793.170 đồng, còn nợ lại số tiền là 1.337.282.030 đồng. Đến ngày 31/12/2018, Công ty B và Công ty C có lập và ký bảng xác nhận công nợ từ năm 2017 đến tháng 12 năm 2018, Công ty B xác nhận còn nợ Công ty C tổng số tiền 1.893.807.060 đồng. Từ đó đến nay, Công ty C rất nhiều lần liên hệ để yêu cầu Công ty B thanh toán số tiền còn nợ nêu trên, nhưng Công ty B không thực hiện mà chỉ hứa hẹn và trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp, Công ty C đã khởi kiện yêu cầu Tòa án xem xét và giải quyết: Buộc Công Ty B phải thanh toán cho Công ty C số tiền còn nợ là 1.893.807.060 đồng, không yêu cầu tính lãi và trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

(2) Đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty cổ phần Thực Phẩm B vắng mặt không có lý do khi được Tòa án triệu tập lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

(3) Tại phiên tòa sơ thẩm: Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và xác định giữ nguyên ý kiến và yêu cầu khởi kiện như trên. Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty cổ phần Thực Phẩm B ông Mai Quốc D có mặt và xác nhận, hiện tại Công ty B đang còn nợ Công ty C số tiền 1.893.807.060 đồng, đúng như số tiền hai bên đã xác nhận tại Bảng xác nhận công nợ đến tháng 12/2018 đề ngày xác nhận là 31/12/2018. Tuy nhiên, hiện tại tài chính của Công ty B gặp nhiều khó khăn không thể thanh toán một lần theo yêu cầu của nguyên đơn. Công ty B cam kết đến quý một năm 2024 sẽ bắt đầu thanh toán dần, và trong thời hạn 03 năm sẽ trả dứt số nợ trên cho Công ty C. Đại diện Công ty B ông Mai Quốc D cho rằng việc chậm thanh toán là một phần lỗi của các nhà cung cấp trong đó có Công ty C, nên bị đơn đề nghị nguyên đơn phải thông cảm, kéo dài thời gian trả nợ cho bị đơn trong thời gian tới.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật, thời gian đưa vụ án ra xét xử cần được khắc phục đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận, áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn. Về nội dung, tại phiên tòa đại diện hợp pháp của bị đơn đã thừa nhận số nợ đúng như số tiền nguyên đơn yêu cầu trả nợ, nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Giữa Công ty C và Công ty B phát sinh tranh chấp trong quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh từ hợp đồng mua bán hàng hóa thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, có mã số doanh nghiệp: 0312735708 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh đăng ký lần đầu ngày 14/4/2014, xác định Công ty cổ phần Thực Phẩm B có trụ sở đăng ký hoạt động tại địa chỉ: Số 06 đường Hoàng Hữu Nam, phường Long Thạnh Mỹ, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Kim Bằng có đề nghị được xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định Công ty C là nhà phân phối, đã bán và cung cấp nguyên phụ liệu chế biến thức ăn, bao gồm các loại rau, củ, quả, gạo ..v.v..các mặt hàng tạp hóa khác cho Công ty B để chế biến, nấu ăn các suất ăn công nghiệp cung ứng cho các doanh nghiệp, các công ty trên địa bàn tỉnh Tây Ninh và các khu vực lân cận. Ngày 31/12/2018, hai bên đã lập Bảng đối chiếu và xác nhận công nợ ghi rõ số tiền Công ty B còn nợ Công ty C tính đến tháng 12 năm 2018 là 1.893.807.060 đồng, số tiền này được đại diện theo pháp luật của Công ty B xác nhận tại phiên tòa và phù hợp với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán của bên mua, đó là bên mua phải thanh toán đầy đủ, đúng hạn, đúng phương thức thanh toán đã thỏa thuận cho bên bán. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn Công ty B phải trả tiền mua hàng còn nợ 1.893.807.060 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 50

Luật thương mại năm 2005, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn về việc không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi phát sinh do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 186, Điều 217, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 244, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24, Điều 34, Điều 35, Điều 37, Điều 50, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Điều 357, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2005.

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Buộc Công ty cổ phần Thực Phẩm B có nghĩa vụ thanh toán cho Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C số tiền còn nợ là 1.893.807.060 đồng (một tỷ tám trăm chín mươi ba triệu tám trăm lẻ bảy nghìn không trăm sáu mươi đồng).

Kể từ khi Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty cổ phần Thực Phẩm B, không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

2. Về án phí: Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 68.814.212 đồng, buộc Công ty cổ phần Thực Phẩm B phải nộp theo quy định.

Trả lại cho Công ty TNHH Một Thành Viên Sản xuất Thương mại Thực Phẩm C số tiền tạm ứng án phí 34.407.106 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2022/0006704 ngày 07/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND. TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Thiên

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

